

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2021
V/v: “ Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Võ Thái Quân. .
 2. Ông Võ Văn Tám.
- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Tuyết -Thư ký Tòa án.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456 /2020/TLST- HNGĐ ngày 10/11/2020, về: “ Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh C, sinh năm 1986, cư trú ấp Tân Ph, xã Phú L Phú T An Giang.

- *Bị đơn:* Lê Thị Ánh T, sinh năm 1993, cư trú ấp Phú H, thị trấn Chợ V, Phú T, An Giang.

Anh C và chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (Bút lục số); bản tự khai (bút lục số) thì anh Nguyễn Thanh C khai:

Anh với chị T thành vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2015, ngày 06/4/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc và chính thức ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung, về tài sản và về nợ phải thu, phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị T.
- Về con chung, về tài sản và về nợ phải thu, phải trả: Không có. Vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Ánh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến. Theo bản tự khai thì cha của chị T là ông Lê Chánh Minh khai: “ Tôi là cha ruột của Lê Thị Ánh T. C và T thành vợ chồng vào năm 2015 có đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2017 thì ly thân đến nay, con chung, tài sản và nợ không có. Sau khi hỏi ý kiến thì con tôi đồng ý ly hôn, vì C không làm tròn trách nhiệm người chồng, sống không hạnh phúc, nên tôi đồng ý cho ly hôn, vì vậy tôi xin thông báo cho Tòa án biết ý chí của con tôi mà cho ly hôn”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Chị T vắng mặt về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

[1.2] Chị T đã được triệu tập lần thứ hai, nhưng vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[1.3] Anh C có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung :

[2.1] Hôn nhân giữa chị T với anh C có đăng ký kết hôn vào năm 2015 (bút lục số), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra.

[2.2] Theo bản tự khai (bút lục số); đơn khởi kiện (bút lục số) thì anh C xin ly hôn với chị T. Theo bản tự khai (bút lục số) thì cha của chị T là ông Lê Chánh Minh khai: “ Tôi là cha ruột của Lê Thị Ánh T, C và T thành vợ chồng vào năm 2015 có đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2017 thì ly thân đến nay, con chung, tài sản và nợ không có. Sau khi hỏi ý kiến thì con tôi đồng ý ly hôn, vì C không làm tròn trách nhiệm người chồng, sống không hạnh phúc, nên tôi đồng ý cho ly hôn, vì vậy tôi xin thông báo cho Tòa án biết ý chí của con tôi mà cho ly hôn”. Như vậy cả hai đều đồng ý ly hôn, hạnh phúc gia đình không còn, nếu hòa giải được thì đã thuận tình ly hôn, vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình.

[2.3] Về con chung, về tài sản về nợ phải thu: Không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ phải trả: Không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh C và chị T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí DSST:

- Anh C phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 300.000đ.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 56; Luật hôn nhân – gia đình;
- Khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3, Điều 228; các Điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

- Anh Nguyễn Thanh C được ly hôn với chị Lê Thị Ánh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2015, ngày 06/4/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 0001686, ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Anh C và chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CC. THADS Phú Tân.
- UBND xã Bình Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. Hội Đồng Xét Xử Sơ Thẩm
Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Dũng